

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ô nào thì đánh dấu vào ô đó: [√]; Nội dung không đúng thì để trống: □)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên □; **Giảng viên thỉnh giảng [√]**

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Dịch tễ học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **LÊ ANH TUẤN**

2. Ngày tháng năm sinh: 15/7/1978; Nam [√]; Nữ □; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Lương

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: [√]

4. Quê quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P104-B12 Tập thể Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Lê Anh Tuấn, Trung tâm Đào tạo và Quản lý khoa học, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, số 1 phố Yecxanh, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại di động: 0983738688; E-mail: lat@nihe.org.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 2002 đến 2004: Cán bộ dự án tại Văn phòng Điều tra Y tế Quốc gia, Bộ Y tế

Từ 2004 đến 2005: Cán bộ dự án tại Văn phòng Tư vấn y tế Mediconsult, Hà Nội

Từ 2006 đến 2007: Cán bộ dự án tại Dự án Hà Lan, Bộ Y tế

Từ 2007 đến 2009: Cán bộ dự án tại Dự án Measure Evaluation, Bộ Y tế

Từ 2009 đến nay: Nghiên cứu viên tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Quản lý khoa học,
Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

Chức vụ cao nhất đã qua: PGĐ, TT ĐT&QLKH, Viện VSDTTU

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

Địa chỉ cơ quan: Số 1 phố Yecxanh, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.39716356

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương; Trường Đại học Y Hà Nội; Trường Đại học Y tế công cộng; Trường Đại học Thăng Long.

8. Đã nghỉ hưu từ: chưa nghỉ hưu.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 6/9/2002, ngành: Bác sĩ, chuyên ngành: Đa khoa

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 27/6/2006, ngành: Y học, chuyên ngành: Y tế công cộng

Nơi cấp bằng ThS: Đại học Tự do Brussels, Vương quốc Bỉ

- Được cấp bằng TS ngày 18/3/2016, ngành: Y học, chuyên ngành: Dịch tễ học

Nơi cấp bằng TS: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: **Phó Giáo sư**, tại HĐGS cơ sở: **Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương**.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: **Y học**.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Dịch tễ học và khoa học hành vi về HIV/AIDS và ma túy;

- Can thiệp cộng đồng thay đổi hành vi và nâng cao năng lực cán bộ y tế cơ sở;

- Dịch tễ học vi-rút gây u nhú ở người (HPV) và vắc-xin dự phòng HPV;

- Dịch tễ học và huyết thanh học Covid-19;

- Dịch tễ học thực địa (FETP).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn: **5 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH cấp cơ sở trở lên: số lượng: **2 đề tài cấp cơ sở**;

- Đã công bố: **68 bài báo/báo cáo khoa học**, trong đó **15 BBKH trên tạp chí quốc tế có uy tín**;

- Đã được cấp: 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo, hướng dẫn; trung thực, khách quan trong đào tạo, hướng dẫn, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác; không vi phạm đạo đức nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: **05 năm**.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã HD		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng dạy trực tiếp / Giờ quy đổi / Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016	0	0	0	0	0	0	0 / 0 / 135
2	2016-2017	0	0	0	0	60	10	70 / 42,5 / 135
3	2017-2018	0	0	2	0	0	115	115 / 250 / 135
03 năm học cuối								
4	2018-2019	0	0	0	0	64	90	154 / 220 / 135
5	2019-2020	0	0	3	0	160	40	200 / 409,4 / 135
6	2020-2021	0	0	0	0	104	95	199 / 255,96 / 135

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ; Tại nước: **Vương quốc Bỉ, năm 2006**.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Isaac Otto		HVCH		√	4/2017 - 9/2017	Đại học Y Hà Nội	3/10/2017

2	Đặng Thị Trang		HVCH		√	5/2017 - 11/2017	Đại học Y Hà Nội	11/1/2018
3	Nguyễn Khắc Hưng		HVCH	√		2/2019 - 11/2019	Đại học Y tế công cộng	28/2/2020
4	Nguyễn Minh Phương		HVCH	√		7/2019 - 12/2019	Đại học Thăng Long	6/3/2020
5	Lê Thị Dung		HVCH	√		7/2019 - 12/2019	Đại học Thăng Long	6/3/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ từ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang ...)	Xác nhận của CS GDDH (số VB xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
	Không có						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Nâng cao kỹ năng tư vấn và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng	TK	NXB Y học, 2020	9	√	Toàn bộ (trang 1-174)	

TK: sách tham khảo

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
	Không có				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến cung cấp, sử dụng dịch vụ điều trị Methadone tại cơ sở y tế tư nhân ở Nam Định năm 2017-2018	CN	CS.2017.13; Cấp cơ sở	9/2017 – 12/2020	QĐ số 369/QĐ-VSDTTU ngày 15/4/2021; Đạt
2	Đánh giá tác động của dịch COVID-19 đến sức khỏe tâm thần của học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội năm 2020	CN	CS.2020.5; Cấp cơ sở	7/2020 – 2/2021	QĐ số 468/QĐ-VSDTTU ngày 21/5/2021; Đạt

3	Đặc điểm dịch tễ học, gánh nặng bệnh tật liên quan đến nhiễm HPV ở Việt Nam	TK; CN đề tài nhánh	HNQT/ SPDP/ 03.16; Cấp quốc gia	10/2016 - 12/2020	Đã nghiệm thu cấp quốc gia (QĐ thành lập Hội đồng Quốc gia nghiệm thu số: 1682/QĐ-BKHCN ngày 23/6/2021); Chưa có quyết định công nhận
4	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học và vi rút học bệnh viêm đường hô hấp do chủng vi rút corona mới 2019 (Covid-19) tại Việt Nam	Thành viên chủ chốt; TK đề tài nhánh	ĐTĐLCN. 32/20; Cấp quốc gia	02/2020 - 07/2021	Đã nghiệm thu cấp cơ sở (QĐ thành lập Hội đồng Cơ sở nghiệm thu đề tài nhánh số: 752/QĐ-VSDTTU ngày 8/7/2021); Chưa nghiệm thu cấp quốc gia

CT: Chương trình; ĐT: Đề tài;

CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I.	Trước khi được công nhận TS							
	Bài báo quốc tế							
1.	An intervention to improve mental health and family well-being of injecting drug users and family members in Vietnam	7		Psychology of Addictive Behaviors	Scopus (3,119; Q1)	9	28(2): 607-613	7/2014
2.	Challenges facing HIV-positive persons who use drugs and their families in Vietnam	4		AIDS Care	Scopus (2,465; Q1)	14	27(3): 283-287	10/2014
3.	Brief behavioral surveys in routine HIV sentinel surveillance: A new tool for monitoring the HIV epidemic in Viet Nam	16		Western Pacific Surveillance and Response	ESCI/ Scopus (0,818; Q2)	3	6(1): 52-54	2/2015
	Bài báo quốc gia							

4.	Chiều hướng nhiễm HIV và một số chỉ số hành vi nguy cơ, hành vi dự phòng của nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh	1	√	Tạp chí Y học Thực hành			7(728): 141-145	7/2010
5.	Ước tính số lượng phụ nữ mại dâm ở thành phố Cần Thơ	4	√	Tạp chí Y học Thực hành			12(854): 5-7	12/2012
6.	Tỷ lệ nhiễm HIV và các hành vi nguy cơ lây nhiễm trên nhóm phụ nữ mại dâm tại các tỉnh miền Bắc năm 2012	7		Tạp chí Y học Dự phòng			7(134): 59-67	12/2012
7.	Ước tính số lượng phụ nữ mại dâm ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2011	4	√	Tạp chí Y học Dự phòng			8(135) 83-87	12/2012
8.	Giám sát trọng điểm HIV lồng ghép câu hỏi hành vi: kết quả thử nghiệm bước tiếp cận mới của hệ thống giám sát HIV ở Việt Nam	18		Tạp chí Y học Dự phòng			8(135) 53-59	12/2012
9.	Ước tính kích cỡ quần thể nghiện chích ma túy ở Điện Biên năm 2011	3	√	Tạp chí Y học Dự phòng			1(136): 44-48	2/2013
10.	Hiệu quả hoạt động tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS tại cộng đồng tỉnh Nghệ An sau 4 năm can thiệp (2008 – 2012)	6		Tạp chí Y học Dự phòng			8(157): 86-92	10/2014
11.	Thực trạng tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS tại cộng đồng tỉnh Nghệ An năm 2012	6		Tạp chí Y học Dự phòng			8(157): 79-85	10/2014
12.	Risk behaviors associating with HIV transmission among male sex workers in Hanoi, 2013	6		Vietnam Journal of Preventive Medicine			1e(1): 47-55	7/2014
13.	People who inject drug in Vietnam: an update on HIV epidemic, risk behavior, and coverage of intervention services	12		Vietnam Journal of Preventive Medicine			2(162): 118-125	3/2015
14.	Harm reduction program effectiveness for preventing HIV transmission in the community of the HIV/AIDS Asia Regional Program in Vietnam, 2010-2013	5		Vietnam Journal of Preventive Medicine			2(162): 64-75	3/2015

15.	Đánh giá tính độc lập của hai vòng chọn mẫu nhận diện – nhận diện lại trong ước tính kích cỡ quần thể phụ nữ bán dâm ở Cần Thơ	3	√	Tạp chí Y học Dự phòng			4(164): 69-74	5/2015
16.	Điều tra công an khu vực: khả năng áp dụng để ước tính số lượng nghiện chích ma túy, phụ nữ bán dâm ở Cần Thơ	3	√	Tạp chí Y học Dự phòng			9(169): 74-79	10/2015
17.	Kích cỡ quần thể nghiện chích ma túy, phụ nữ bán dâm, nam quan hệ tình dục đồng giới ở Việt Nam, 2012-2013	3	√	Tạp chí Y học dự phòng			10(170) : 16-21	11/2015
18.	Đánh giá phương pháp số nhân sử dụng số liệu chương trình trong ước tính số lượng người nghiện chích ma túy và phụ nữ bán dâm ở Cần Thơ	3	√	Tạp chí Y học dự phòng			10(170) : 75-80	11/2015
19.	Gói dịch vụ cơ bản cho nhóm nghiện chích ma túy: độ bao phủ và tác động tới hành vi nguy cơ	4		Tạp chí Y học dự phòng			10(170) : 212-220	11/2015
20.	Tác động của dịch vụ tư vấn xét nghiệm tự nguyện tới hành vi tiêm chích trong nhóm nghiện chích ma túy tại Bắc Kạn, Hòa Bình, Tuyên Quang	4		Tạp chí Y học dự phòng			10(170) : 230-236	11/2015
21.	Hiệu quả can thiệp lồng ghép cho người nghiện chích ma túy và thành viên gia đình tại Phú Thọ	3	√	Tạp chí Y học dự phòng			10(170) : 237-244	11/2015
22.	Chiều hướng nhiễm HIV, các hành vi nguy cơ cao và tư vấn xét nghiệm HIV trên nhóm nghiện chích ma túy tại Việt Nam, 2005-2013	12		Tạp chí Y học dự phòng			10(170) : 202-210	11/2015
II.	Sau khi được công nhận TS							
	Bài báo quốc tế							
23.	Antiretroviral therapy adherence and self-efficacy among people living with HIV and a history of drug use in Vietnam	6		International Journal of STD and AIDS	SCIE/Scopus (1,351; Q2)	8	28(12): 1247-1254	10/2017
24.	Alcohol use, HIV treatment adherence, and sexual risk among people with a history of injecting drug use in Vietnam	6		AIDS and Behavior	SSCI/Scopus (2,851; Q1)	8	21(5): 167-173	11/2017

25.	Efficacy of communication training of Community Health Workers on service delivery to People Who Inject Drugs in Vietnam: A clustered randomized trial	10		American Journal of Public Health	SCIE/Scopus (3,106; Q1)	6	108(6): 791-798	4/2018
26.	Multi-level predictors of psychological problems among methadone maintenance treatment patients in difference types of settings in Vietnam	15	√	Substance Abuse Treatment, Prevention, and Policy	SSCI/Scopus (2,261; Q2)	34	14(1): 39	9/2019
27.	Polysubstance use among patients enrolling in Methadone maintenance treatment program in a Vietnam province with drug-driven HIV epidemic	14	√	International Journal of Environmental Research and Public Health	SCIE/Scopus (2,666; Q2)	7	16(18): 3277	9/2019
28.	Using social media to enhance provider network for HIV and harm reduction service integration in Vietnam	7		AIDS and Behavior	SSCI/Scopus (2,804; Q1)	2	23(11): 3175-3183	11/2019
29.	Factors associated with sleep disorders among Methadone-maintained drug users in Vietnam	10	√	International Journal of Environmental Research and Public Health	SCIE/Scopus (2,666; Q2)	5	16(22): 4315	11/2019
30.	Preferences for methadone clinics among drug users in Vietnam: a comparison between public and private models	13	√	Harm Reduction Journal	SSCI/Scopus (4,260; Q1)	6	17(1)	1/2020
31.	Treatment adherence amongst drug users attending public and private methadone maintenance clinics in a northern province of Vietnam	16	√	Substance Abuse Treatment, Prevention, and Policy	SSCI/Scopus (2,357; Q2)	1	15(31)	4/2020
32.	Number of people who inject drugs in Son La, Vietnam: population size estimation based on official records	7	√	Journal of Epidemiology and Global Health	SCIE/Scopus (2,318; Q3)	1	10(2): 131-134	6/2020
33.	Stigma related to HIV and drug use: layers, types, and relations to mental health	7		AIDS and Behavior	SSCI/Scopus (3,555; Q1)	2	24(1): 2347-2354	8/2020
34.	Community capacity building for HIV and addiction service integration: An intervention trial in Vietnam	7		AIDS and Behavior	SSCI/Scopus (3,272; Q1)	0		6/2021

	Bài báo quốc gia						
35.	HIV/STI và hành vi nguy cơ trong nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tại An Giang năm 2012	12		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 10-13 9/2016
36.	Tỷ lệ hiện nhiễm HIV và hành vi lây nhiễm ở nhóm nghiện chích ma túy và phụ nữ bán dâm tại tỉnh Bắc Giang năm 2014	13		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 14-20 9/2016
37.	Thực trạng tiếp cận các dịch vụ dự phòng HIV/AIDS trong nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tại Hà Nội năm 2012	16		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 21-25 9/2016
38.	Tỷ lệ, hành vi nguy cơ nhiễm HIV và tiếp cận một số biện pháp can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV trên nhóm gái mại dâm tại tỉnh Hải Dương, 2011	17		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 26-30 9/2016
39.	Tỷ lệ hiện nhiễm HIV và độ bao phủ của các chương trình dự phòng HIV trong nhóm phụ nữ bán dâm tại Hải Phòng năm 2012	15		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 31-35 9/2016
40.	Thực trạng lây nhiễm HIV ở người tiêm chích ma túy tại thành phố Huế năm 2014	21		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 36-41 9/2016
41.	Hành vi nguy cơ và tiếp cận dịch vụ dự phòng HIV/AIDS trong nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tại Khánh Hòa năm 2014	14		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 42-47 9/2016
42.	Tỷ lệ nhiễm HIV và hành vi bán dâm trong nhóm nam quan hệ đồng giới tại Kiên Giang năm 2013	13		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 48-55 9/2016
43.	Thực trạng nhiễm HIV trong nhóm nghiện chích ma túy tại tỉnh Lai Châu năm 2014	14		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 56-61 9/2016
44.	Chiều hướng nhiễm HIV và một số hành vi nguy cơ trong nhóm phụ nữ bán dâm tại tỉnh Nam Định	14		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 62-68 9/2016
45.	Nghiên cứu hành vi nguy cơ và tiếp cận các dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV của nhóm	13		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 69-74 9/2016

	nghiên chích ma túy tại tỉnh Nghệ An năm 2012							
46.	Kỳ thi và phân biệt đối xử: Thực trạng của người nhiễm HIV tại tỉnh Khánh Hòa	18		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 75-81	9/2016
47.	Tỷ lệ hiện nhiễm HIV cao và dùng chung bơm kim tiêm giảm trong nhóm tiêm chích ma túy tại Quảng Ninh năm 2012	15		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 82-86	9/2016
48.	Tỷ lệ nhiễm HIV và một số yếu tố liên quan trong nhóm nam tiêm chích ma túy tại Gia Lai năm 2014	18		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 87-92	9/2016
49.	Những yếu tố liên quan đến việc sử dụng bơm kim tiêm khoảng chết thấp của nhóm nghiện chích ma túy tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2013	13		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 93-100	9/2016
50.	Chiều hướng nhiễm HIV và sự thay đổi một số chỉ số hành vi, thực hành phòng lây nhiễm HIV của nhóm nam nghiện chích ma túy tại thành phố Đà Nẵng từ năm 2010 đến năm 2014	13		Tạp chí Y học dự phòng			9(182): 101-108	9/2016
51.	Một số lý do lựa chọn cơ sở điều trị Methadone của bệnh nhân nghiện chất dạng thuốc phiện tại Nam Định	7		Tạp chí Y học dự phòng			28(7): 156-163	10/2018
52.	Điều trị ARV và Methadone cho người sử dụng ma túy nhiễm HIV: thách thức từ phía người nhận dịch vụ	4		Tạp chí Y học dự phòng			28(7): 164-169	10/2018
53.	Injectional anthrax among people who inject drugs and implications for research in Vietnam: a literature review	7		Vietnam Journal of Preventive Medicine			29(4): 7-19	7/2019
54.	Status and related factors of methadone treatment non-adherence in Tay Ho District, Hanoi, 2019	4	√	Vietnam Journal of Preventive Medicine			29(14): 60-67	12/2019
55.	Thực trạng và yếu tố liên quan đến một số biến chứng tăng huyết áp của bệnh nhân điều trị ngoại trú tại một trung tâm y tế tuyến huyện của tỉnh Hà Nam năm 2019	4		Tạp chí Y học dự phòng			29(15): 51-59	12/2019

56.	Thực trạng sức khỏe tâm thần và các yếu tố liên quan của người bệnh điều trị Methadone tại thành phố Bắc Giang năm 2019	4		Tạp chí Y học dự phòng			29(15): 76-84	12/2019
57.	Tỷ lệ nhiễm HPV và hành vi nguy cơ lây nhiễm HPV trong nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới ở Hà Nội năm 2018	7	√	Tạp chí Y học dự phòng			30(5): 58-64	8/2020
58.	HPV infection and high-risk behaviours among men who have sex with men in the two biggest cities of Vietnam	8	√	Vietnam Journal of Preventive Medicine			30(9): 34-41	12/2020
59.	Nhiễm HPV và kiến thức về HPV của nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới ở Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh năm 2018	7	√	Tạp chí Y học dự phòng			30(10): 35-43	12/2020
60.	Thực trạng nhiễm và kiến thức về HPV của nhóm phụ nữ bán dâm tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh năm 2018	9	√	Tạp chí Y học dự phòng			30(10): 44-52	12/2020
61.	Thực trạng sức khỏe tâm thần và một số yếu tố liên quan trong bối cảnh dịch COVID-19 của học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội năm 2020	6		Tạp chí Y học dự phòng			30(10): 53-61	12/2020
62.	Thực trạng cung cấp dịch vụ methadone tại cơ sở y tế tư nhân ở Nam Định năm 2018	6	√	Tạp chí Y học dự phòng			31(3): 154-160	4/2021
63.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng với dịch vụ điều trị của bệnh nhân tại cơ sở methadone tư nhân ở Nam Định năm 2018	6	√	Tạp chí Y học dự phòng			31(3): 161-166	4/2021
64.	Treatment adherence and related factors among patients in the unique MMT private clinic in Vietnam in 2018	6	√	Vietnam Journal of Preventive Medicine			31(4): 85-91	5/2021
65.	Tỷ lệ nhiễm HPV và kết quả xét nghiệm Thinprep Pap của phụ nữ bán dâm ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh năm 2018	8	√	Tạp chí Nghiên cứu Y học			142(6): 78-85	6/2021
66.	Lựa chọn cơ sở dịch vụ và một số yếu tố liên quan của bệnh nhân điều trị methadone tại cơ sở y tế tư nhân ở Việt Nam năm 2018	6	√	Tạp chí Y học dự phòng			31(6): 72-79	6/2021

67.	Tỷ lệ nhiễm các chủng HPV ở phụ nữ bán dân tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh năm 2018	7	√	Tạp chí Y học dự phòng			31(6): 80-86	6/2021
	Báo cáo hội nghị quốc tế							
68.	Gender difference in challenges facing family members of people who use drugs in Vietnam	5		Hội nghị AIDS quốc tế 2016	Poster			7/2016

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **6 bài [số 26, 27, 29, 30, 31, 32]**.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh, Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)...

Không áp dụng.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

Không có.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

Không có.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1.	Cập nhật, bổ sung Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Dịch tễ học	Tham gia	QĐ số 110/QĐ-VSDTTU ngày 25/1/2021	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	QĐ số 525/QĐ-VSDTTU ngày 14/6/2021	

9. Tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm , còn thiếu (số lượng năm, tháng): ...

b) Hoạt động đào tạo

- **Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm** (UV chức danh PGS) [, còn thiếu: **1 năm**

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ , còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ...

+ **Giờ chuẩn giảng dạy không đủ** [, còn thiếu: **năm 2016-2017 / 92,5 giờ**

- Hướng dẫn chính NCS, HVCH/CK2/BSNT:

- + Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ...
- + Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: ...

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: ...
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ...
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc cấp bằng TS:
+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH
Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: ...
- + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH
Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: ...

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

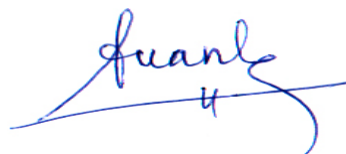
- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: ...
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: ...

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Anh Tuấn